| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập -Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 149/2025/HS-ST
Ngày 16-7-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Duy Khoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Luyến

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 122/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 149/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trịnh Thế B, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1983 tại Hải Phòng; nơi ĐKTT: khu B, Trường tiểu học Đ1, phường Đ, quận N (nay là phường G), thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số D N, phường Đ, quận N (nay là phường G), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần T9; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Thế C và bà Hoàng Thị L; có vợ là Phạm Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 13/9/2024, đến ngày 20/9/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bùi Thị Như H, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1991 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số E P, phường Đ, quận H (nay là phường Đ), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần T9; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu N1 và bà Phạm Thị T; có chồng là Vũ Văn H1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2024; có mặt.

3. Ngô Tiến T1, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1992 tại Thái Bình; nơi cư trú: Số G P, phường A, quận L (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Cổ phần T9; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Duy Đ và bà Nguyễn Thị H2; có vợ là Ngô Thị T2 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 13/9/2024, đến ngày 20/9/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lưu Thanh B1, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1989 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số A T, phường Đ, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Cổ phần T9; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T3 và bà Nguyễn Thị L1; có vợ là Phạm Thị H3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/5/2025; có mặt.

5. Ngô Xuân H4, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1989 tại Thái Bình; nơi cư trú: Số A N, phường A, quận L (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Cổ phần T9; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Duy Đ và bà Nguyễn Thị H2; có vợ là Nguyễn Lan N2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 13/9/2024, đến ngày 20/9/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Công ty Cổ phần T9; địa chỉ: Số D N, phường Đ, quận N (nay là phường G), thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T9: Anh Trịnh Thế B, sinh năm 1983; nơi ĐKTT: khu B, Trường tiểu học Đ1, phường Đ, quận N (nay là phường G), thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số D N, phường Đ, quận N (nay là phường G), thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

+ Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số E P, phường Đ, quận H (nay là phường Đ), thành phố Hải Phòng; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần T9, mã số thuế: 0200594093, địa chỉ: Số D N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng (viết tắt Công ty T9) thành lập ngày 10/8/2004, ngành nghề kinh doanh được cấp giấy phép là thương nhân phân phối, kinh doanh xăng dầu. Đến ngày 04/6/2021, Trịnh Thế B đứng tên làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong quá trình điều hành Công ty, do thiếu vốn hoạt động kinh doanh nên tháng 4/2023, B đã huy động các cá nhân Lưu Thanh B1, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1 và Vũ Văn H1 thỏa thuận và thống nhất mỗi người góp vốn 02 tỷ đồng vào Công ty T9 để kinh doanh, lợi nhuận kinh doanh được chia đều cho các thành viên góp vốn. Trong đó, Vũ Văn H1 (chồng của Huế) chỉ là người đứng tên trên danh nghĩa thay cho Huế, không tham gia quản lý, điều hành công ty. Lưu Thanh B1 góp vốn bằng quyền sở hữu Cửa hàng X. Cơ cấu tổ chức của Công ty T9 và các

thành viên góp vốn gồm Trịnh Thế B làm Giám đốc có nhiệm vụ quản lý chung và cùng tham gia hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa; Bùi Thị Như H, Phó Giám đốc, phụ trách quản lý kế toán, kiêm kế toán nội bộ, xuất hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT); Lưu Thanh B1 và Ngô Tiến T1 là nhân viên kinh doanh, tuyển dụng Ngô Xuân H4 cùng các cá nhân khác làm nhân viên kế toán và nhân viên kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu dưới sự chỉ đạo trực tiếp của B và Huế.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu có một số lượng khách hàng mua xăng dầu của công ty nhưng không có nhu cầu lấy hóa đơn GTGT nên Công ty T9 thừa lượng hóa đơn GTGT đầu vào với hàng hóa đã xuất bán ra. Để cân đối về hóa đơn GTGT đối với lượng hàng hóa nhập vào và lượng hàng hóa bán ra B đã bàn bạc và thống nhất với H, B1 và T1 sẽ chiết khấu, giảm giá 600 đồng/lít cho nhữngkhách hàng không cónhu cầu lấy hóa đơn GTGTvà bán hóa đơn GTGT khống cho khách hàng có nhu cầu với giá 5% trên giá trị hàng hóa để bù vào số tiền đã chiết khấu cho khách hàng mua không lấy hóa đơn, số tiền thu lợi từ việc bán hóa đơn GTGT khống sẽ dùng để tái đầu tư cho công ty K. Tất cả đều đồng ý và thống nhất: trong quá trình kinh doanh B, Huế, B1 và T1 sẽ trực tiếp liên hệ, tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua hóa đơn GTGT khống. Để thực hiện việc theo dõi, quản lý số lượng xăng dầu không xuất hóa đơn và triết khấu cho khách hàng B đã thông báo, chỉ đạo cho các nhân viên kinh doanh của công ty khi có khách hàng mua xăng dầu nhưng không có nhu cầu lấy hóa đơn GTGT phải thông báo cho H biết, để H tập hợp lại và chiết khấu cho khách hàng. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì thanh toán trực tiếp cho H hoặc T1, nếu chuyển khoản thì chuyển vào tài khoản của T1 để quản lý. Sau đó, H cập nhật vào USB để theo dõi và quản lý. Khi B, Huế, B1 và T1 tìm được khách hàng có nhu cầu mua hóa đơn GTGT khống sẽ liên hệ, thông báo cho H biết khối lượng hàng hóa khống cần ghi trong hóa đơn GTGT để Huế cân đối lượng xăng dầu đã xuất bán chưa xuất hóa đơn, chỉ đạo cho nhân viên hợp thức hóa chứng từ và xuất hóa đơn GTGT khống cho khách hàng.

Việc thanh toán được thực hiện như sau: Theo quy định của Nhà nước, các hóa đơn GTGT có doanh số trên 20.000.000 đồng phải thanh toán bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT khống các đối tượng thỏa thuận với khách hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty T9, sau khi trừ đi số tiền bán hóa đơn, Huế sẽ thông báo cho T1 biết số tiền cần trả lại. T1 sử dụng tài khoản cá nhân để chuyển trả lại số tiền vào tài khoản cá nhân của khách để hoàn thành quy trình đảo tiền mua hóa đơn. Ngoài ra, T1 có thể sử dụng giấy rút tiền mặt do B ký để rút tiền từ tài khoản công ty rồi chuyển trả cho khách. Các tài khoản cá nhân T1 đã sử dụng gồm: Tài khoản số 107877635304 mở tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh H7, tài khoản 0118100024980005 mở tại Ngân hàng O và mượn tài khoản số 107878263044 và tài khoản số 109874229915 mở tại Ngân hàng V1 - CN Hồng Bàng của vợ T1 là Ngô Thị T2 để nhận, chuyển các khoản tiền liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

Ngô Xuân H4 trong quá trình kinh doanh xăng dầu được Bùi Thị D là Kế toán Công ty H8 và Trần Vũ T4 là Giám đốc Công ty B2 đặt vấn đề cần mua thêm hóa đơn GTGT khống để thêm lượng hàng hóa đầu vào cho công ty mình, H4 đã liên lạc

với H và được H đồng ý cho H4 bán hóa đơn GTGT không kèm theo hàng hóa dịch vụ của Công ty T9 với giá 5% giá trị hàng hóa khống ghi trong hóa đơn GTGT và trả công cho H4 là 10 đồng/1 lít xăng dầu khống. Ngày 12/9/2024, khi H4 đang giao dịch chứng từ của 05 số hóa đơn GTGT khống với Trần Vũ T4 tại khu vực ngã tư Đ - L thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H khẩn cấp trụ sở Công ty T9, thu giữ 01 Dấu công ty TNHH T10; 01 Dấu DNTN Mạnh Tuấn; 01 Dấu công ty TNHH M; 04 Dấu chức danh; 01 Token của công ty TNHH T10; 05 máy tính; 01 USB và các tài liệu có liên quan.

Trịnh Thế B tự nguyện giao nộp 01 điện thoại; Bùi Thị Như H giao nộp 01 điện thoại; Ngô Tiến T1 giao nộp 02 điện thoại; Ngô Xuân H4 giao nộp 02 điện thoại.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H các bị can Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1, Lưu Thanh B1 và Ngô Xuân H4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả khôi phục, trích xuất dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng..., cùng tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.

Bị can Trịnh Thế B khai: Việc bán trái phép hóa đơn GTGT được thực hiện trên cơ sở bàn bạc, thống nhất với các cá nhân góp vốn gồm Lưu Thanh B1, Ngô Tiến T1, Bùi Thị Như H. Từ tháng 5/2023 đến tháng 9/2024, B đã trực tiếp giao dịch bán 34 số hóa đơn GTGT khống với doanh số trước thuế là 16.016.674.574 đồng, doanh số sau thuế là 17.618.342.030 đồng. Bộ phận kế toán cùng các nhân viên khác không biết Công ty T9 có hoạt động mua bán trái phép hóa đơn. Vũ Văn H1 chỉ là thành viên góp vốn trên danh nghĩa, thực tế không tham gia điều hành hoạt động của Công ty T9.

Bùi Thị Như H khai: Từ tháng 5/2023 đến tháng 9/2024, H đã trực tiếp bán trái phép 45 số hoá đơn GTGT khống với doanh số trước thuế là 20.764.623.943 đồng, doanh số sau thuế là 22.841.086.320 đồng. Huế thực hiện việc trao đổi mua bán hóa đơn thông qua phần mềm zalo với nhân viên và khách hàng. Toàn bộ hoạt động bán hàng không xuất hóa đơn, bán hóa đơn GTGT không được theo dõi trên sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty mà tập hợp theo dõi tại USB của Huế, Huế chỉ theo dõi theo tháng để cân đối với lượng xuất bán hóa đơn trái phép, không lập số sách theo dõi riêng đối với hàng hóa xuất bán không có hóa đơn và do người mua là khách vãng lai nên đến nay không thống kê được chi tiết. Ngô Xuân H4 là nhân viên kinh doanh của Công ty có liên lạc với H để bán hóa đơn GTGT khống cho khách hàng và được H đồng ý, chỉ đạo cho H4 giá bán hóa đơn GTGT khống là 5% giá trị hàng hóa ghi trong hóa đơn và trả công cho H4 10 đồng/1 lít xăng dầu khống ghi trong hóa đơn GTGT. Vũ Văn H1 (chồng của Huế) chỉ là thành viên góp vốn trên danh nghĩa, không tham gia vào điều hành hoạt động của Công ty T9. Các nhân viên kế toán và các nhân viên khác, theo sự chỉ đạo của H có tham gia vào việc soạn thảo hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa, chuyển và rút tiền mặt từ tài khoản

công ty nhưng không được bàn bạc, không biết Công ty có việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

Ngô Tiến T1 khai phù hợp với lời khai của B, H và khai đã trực tiếp giao dịch bán 03 số hóa đơn GTGT khống với doanh số trước thuế là 709.402.664 đồng, doanh số sau thuế là 780.342.930 đồng, được giao nhiệm vụ đảo tiền khi khách hàng mua hóa đơn theo chỉ đạo của H. Việc bán trái phép hóa đơn chỉ có B, B1, T1, Huế và H4 biết. Các nhân viên khác không biết Công ty T9 có việc bán trái phép hóa đơn GTGT khống.

Lưu Thanh B1 khai phù hợp với lời khai của B, Bùi H, T1 và khai: Từ tháng 02/2024 đến tháng 9/2024, B1 cùng với các thành viên góp vốn đã bán trái phép 95 số hóa đơn GTGT khống, với doanh số trước thuế là 35.614.958.323 đồng, sau thuế là 39.176.454.150 đồng, thu lợi số tiền 388.554.647 đồng. Trong đó, B1 đã trực tiếp bán 15 số hóa đơn GTGT khống với doanh số trước thuế là 4.908.456.229 đồng, doanh số sau thuế là 5.399.301.850 đồng, lợi nhuận trực tiếp thu về là 62.585.934 đồng.

Ngô Xuân H4 khai: H4 là nhân viên kinh doanh tại Công ty T9 từ tháng 6/2023, với nhiệm vụ là tìm kiếm khách hàng mua bán xăng dầu. Trong quá trình bán hàng, có khách hỏi mua hóa đơn GTGT khống nên H4 đã chủ động hỏi và được H đồng ý. Từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2024, H4 đã trực tiếp tham gia bán trái phép 29 số hoá đơn GTGT khống với tổng lượng xăng dầu ghi trong hóa đơn là 370.994 lít, doanh số trước thuế là 6.223.197.174 đồng, doanh số sau thuế là 6.845.516.891 đồng, hưởng lợi bất chính số tiền là 3.709.940 đồng (tỷ lệ 10 đồng/1 lít xăng dầu khống).

Vũ Văn H1 khai: Từ tháng 5/2023 đến tháng 9/2024, công việc chính của H1 là kinh doanh hàng đông lạnh tại M, Quảng Ninh. H1 chỉ là cổ đông trên danh nghĩa thay cho Bùi Thị Như H, không tham gia điều hành hoạt động của Công ty T9. H1 không biết cụ thể và không tham gia vào hoạt động mua bán trái phép hóa đơn của Công ty T9.

Ngô Thị T2, Nguyễn Ngọc V, Trần Thanh H5, Lê Thị Thu T5, Phạm Văn T6, Hà Vĩnh T7 là các nhân viên của Công ty T9 khai nhận theo sự chỉ đạo của Bùi Thị Như H và Trịnh Thế B đã thực hiện các công việc như soạn thảo hợp đồng, chứng từ, lập biên bản giao nhận hàng hóa, đi rút tiền từ tài khoản về công ty, nhưng không được bàn bạc, không biết Công ty T9 bán trái phép hóa đơn GTGT không kèm theo hàng hóa và không tham gia vào việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty T9.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H tiến hành xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng. Kết quả: Công ty Cổ phần T9 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0200594093, địa chỉ trụ sở: Số D N, Đ, Ngô Q, Hải Phòng. Trịnh Thế B, sinh năm: 1983, nơi cư trú: Thửa 12 TĐC 1, Đ, N, Hải Phòng là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh xăng dầu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H tiến hành xác minh tại Cục thuế thành phố H. Kết quả: Công ty Cổ phần T9 đăng ký kê khai, báo cáo thuế tại Cục thuế thành phố H. Từ tháng 1/2022 đến tháng 7/2024, tổng doanh số hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty là 1.319.531.155.425 đồng, tổng doanh số hàng hoá, dịch vụ bán ra của Công ty là 1.321.839.016.817 đồng. Số hoá đơn huỷ bỏ, điều chỉnh, thay thế từ 01/01/2022 đến nay là 46 số hoá đơn GTGT.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H điều tra, xác minh đã xác định được có 59 doanh nghiệp có giao dịch mua bán xăng dầu với Công ty T9 đã thanh toán chuyển khoản qua Ngân hàng, đã tiến hành làm việc được 26/59 Công ty. Kết quả: 24/26 doanh nghiệp đều khẳng định có mua hàng hóa thực tế của Công ty T9, không có hành vi mua bán trái phép hóa đơn, 02 doanh nghiệp là Công ty CP H8 (MST: 0201317279) và Công ty TNHH B2 (MST: 0202240163) thừa nhận có mua hóa đơn GTGT không của Công ty T9, trong đó Công ty H8 mua 06 số hóa đơn không kèm hàng hóa của Công ty T9 với giá là 5% giá trị hóa đơn chưa tính thuế, đã kê khai báo cáo thuế 03 số hóa đơn, Công ty B2 đã mua trái phép 05 số hóa đơn không kèm hàng hóa của Công ty T9 với giá là 5% giá trị hóa đơn chưa tính thuếthông qua Ngô Xuân H4, số hóa đơn này Công ty B2 chưa kê khai báo cáo thuế.

Tang vật thu giữ và xử lý: Thu giữ 01 Dấu tròn công ty TNHH T10; 01 Dấu tròn DNTN Mạnh Tuấn; 01 Dấu tròn công ty TNHH M; 01 Dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Đức T8; 01 Dấu chức danh Giám đốc Lưu Thanh B1; 01 Dấu chức danh Giám đốc Bùi Thị Như H; 01 Dấu chức danh Giám đốc Phạm Văn H6; 01 Token của công ty TNHH T10; 05 máy tính đã qua sử dụng.

Trịnh Thế B giao nộp 01 điện thoại IPHONE 13 PRO MAX đã qua sử dụng; Bùi Thị Như H giao nộp 01 điện thoại GALAXY S10 5G đã qua sử dụng; Ngô Tiến T1 giao nộp 01 điện thoại GALAXY S10 5G và 01 điện thoại IPHONE 12 PRO MAX đã qua sử dụng; Ngô Xuân H4 giao nộp 01 điện thoại IPHONE X và 01 điện thoại IPHONE 11 PRO MAX đã qua sử dụng; Bị can Trịnh Thế B, đại diện Công ty T9, tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 755.528.418 đồng; Ngô Xuân H4 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 3.709.940 đồng, chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng quản lý theo quy định.

Bản Cáo trạng số 128/CT-VKSHP-P3 ngày 16/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1 và Lưu Thanh B1 về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Ngô Xuân H4 về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố là đúng. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối hận, đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, áp dụng xử phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo. Trong đó các bị cáo B, Huế, T1, B1 xác nhận đã thu lợi bất chính tổng số tiền 755.528.418 đồng, bị cáo B đã tự nguyện nộp số tiền 756.000.000 đồng (xin nộp làm tròn số tiền

756.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, dư 471.582 đồng, bị cáo đề nghị tịch thu sung công quỹ 756.000.000 đồng); bị cáo H4 đã nộp lại số tiền 3.709.940 đồng tiền thu lợi bất chính. Các bị cáo đã nộp tổng số tiền 1.170.000.000 đồng (bị cáo B 300 triệu đồng, bị cáo H 300 triệu đồng, bị cáo T1 300 triệu đồng, bị cáo B1 200 triệu đồng, bị cáo H4 70 triệu đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để đảm bảo khả năng thi hành án phạt tiền.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa*: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm s khoản 1 (áp dụng thêm điểm n khoản 1 đối với bị cáo Huế), khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H mỗi bị cáo từ 270 triệu đồng đến 300 triệu đồng, xử phạt tiền bị cáo Ngô Tiến T1 từ 250 triệu đồng đến 270 triệu đồng, xử phạt tiền bị cáo Lưu Thanh B1 từ 220 triệu đồng đến 250 triệu đồng, về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Ngô Xuân H4 từ 50 triệu đồng đến 70 triệu đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tiền thu lợi bất chính: Các bị cáo Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1, Lưu Thanh B1 thu lợi bất chính số tiền 755.528.418 đồng, bị cáo Trịnh Thế B đã tự nguyện nộp số tiền 756.000.000 đồng, dư 471.582 đồng và đề nghị tịch thu sung công quỹ cả số tiền 756.000.000 đồng. Bị cáo Ngô Xuân H4 thu lợi bất chính số tiền 3.709.940 đồng, bị cáo đã nộp đủ số tiền trên. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại IPHONE 13 PRO MAX thu giữ của Trịnh Thế B; 01 điện thoại GALAXY S10 5G thu giữ của Bùi Thị Như H; 01 điện thoại GALAXY S10 5G và 01 điện thoại IPHONE 12 PRO MAX thu giữ của Ngô Tiến T1; 01 điện thoại IPHONE X và 01 điện thoại IPHONE 11 PRO MAX thu giữ của Ngô Xuân H4.

Trả lại cho Công ty T9: 01 Dấu tròn công ty TNHH T10; 01 Dấu tròn DNTN Mạnh Tuấn; 01 Dấu tròn công ty TNHH M; 01 Dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Đức T8; 01 Dấu chức danh Giám đốc Lưu Thanh B1; 01 Dấu chức danh Giám đốc Bùi Thị Như H; 01 Dấu chức danh Giám đốc Phạm Văn H6; 01Token của công ty TNHH T10, 05 máy tính đã qua sử dụng thu giữ của Công ty T9.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 5/2023 đến tháng 9/2024, Trịnh Thế B, Giám đốc Công ty T9 cùng các thành viên góp vốn gồm Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1, trong quá trình kinh doanh xăng dầu, do có một số lượng khách hàng mua xăng dầu nhưng không lấy hóa đơn GTGT nên B đã bàn bạc và thống nhất với Huế, T1 chiết khấu giảm giá 600đồng/lít cho khách hàng không lấy hóa đơn GTGT. Trên cơ sở cân đối lượng hàng hóa dư thừa do không phải xuất hóa đơn GTGT, để xuất bán trái phép hóa đơn GTGT khống cho các khách hàng có nhu cầu, số tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT để tái đầu tư kinh doanh của Công ty. B, Huế và T1 đã bán trái phép 207 số hoá đơn GTGT không kèm hàng hoá với giá 5% giá trị hàng hóa trước thuế, với tổng doanh số ghi trên hóa đơn là 73.435.163.298 đồng, doanh số sau thuế là 80.778.679.620 đồng, thu lợi bất chính số tiền 755.528.418 đồng (trong đó, từ tháng 2/2024 đến tháng 9/2024, Lưu Thanh B1 tham gia góp vốn vào Công ty T9, đã thỏa thuận, thống nhất cùng B, Huế, T1 bán trái phép 95 số hóa đơn GTGT khống). Từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2024, được sự đồng ý của Bùi Thị Như H, Ngô Xuân H4 đã trực tiếp giao dịch thỏa thuận bán trái phép 29 số hoá đơn GTGT không kèm hàng hóa, với tổng khối lượng hàng hóa ghi khống trong hóa đơn là 370.994 lít xăng dầu, với giá 5%, tổng doanh số trước thuế là 6.223.197.174 đồng, tổng doanh số sau thuế là 6.845.516.891 đồng, được hưởng lợi 10 đồng/1 lít xăng dầu khống, thu lợi bất chính số tiền 3.709.940 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc mua bán trái phép hoá đơn là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1, Lưu Thanh B1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự (tình tiết định khung "*...hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên*" và "*thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*"); bị cáo Ngô Xuân H4 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn do Nhà nước thống nhất phát hành, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo B có ông nội tham gia kháng chiến được nhà nước tặng thưởng Huân chương, gia đình thờ cúng Liệt sỹ, bị cáo H có ông, bà nội chồng tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, gia đình thờ cúng Liệt sỹ, bị cáo T1, H4 có ông nội và ông ngoại tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương, bị cáo B1 có chú ruột vợ tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H phạm tội khi đang mang thai nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H4 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo H4 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm. Bị cáo B là người khởi xướng, bàn bạc với Huế, T1 để thực hiện bán trái phép hóa đơn, bị cáo H cùng góp vốn và thực hành tích cực trong việc cân đối lượng xăng dầu, chỉ đạo nhân viên hợp thức hóa chứng từ và xuất hóa đơn GTGT khống cho khách hàng nên bị cáo B và bị cáo H có vai trò ngang nhau và cao nhất, bị cáo T1 cùng góp vốn và giúp sức tích cực trong việc đảo tiền mua hóa đơn của khách theo chỉ đạo của H nên có vai trò cao thứ hai, bị cáo B1 cùng góp vốn và cùng B, Huế, T1 bán trái phép 95 hóa đơn GTGT khống nên có vai trò cao thứ ba. Hành vi của bị cáo H4 là riêng lẻ.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo B, Huế, T1, B1 phạm tội lần đầu, bị cáo H4 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đều đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và đã tự nguyện nộp tổng số tiền 1.170.000.000 đồng (bị cáo B 300 triệu đồng, bị cáo H 300 triệu đồng, bị cáo T1 300 triệu đồng, bị cáo B1 200 triệu đồng, bị cáo H4 70 triệu đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để chứng minh có điều kiện kinh tế, đảm bảo khả năng thi hành án phạt tiền thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Do đó, đủ điều kiện xem xét áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền là

hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo.

[9] Về số tiền thu lợi bất chính: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp, cụ thể: Các bị cáo Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1, Lưu Thanh B1 thu lợi bất chính số tiền 755.528.418 đồng, bị cáo Trịnh Thế B đã nộp số tiền 756.000.000 đồng, dư 471.582 đồng và đề nghị tịch thu sung công quỹ cả số tiền 756.000.000 đồng. Bị cáo Ngô Xuân H4 thu lợi bất chính số tiền 3.709.940 đồng, bị cáo đã nộp đủ số tiền 3.709.940 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại IPHONE 13 PRO MAX thu giữ của Trịnh Thế B, 01 điện thoại GALAXY S10 5G thu giữ của Bùi Thị Như H, 01 điện thoại GALAXY S10 5G và 01 điện thoại IPHONE 12 PRO MAX thu giữ của Ngô Tiến T1, 01 điện thoại IPHONE X và 01 điện thoại IPHONE 11 PRO MAX thu giữ của Ngô Xuân H4, dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 dấu tròn Công ty TNHH T10; 01 dấu tròn DNTN Mạnh Tuấn; 05 máy tính đã qua sử dụng thu giữ của Công ty T9 không liên quan đến việc phạm tội và 01 dấu tròn Công ty TNHH M, 01 dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Đức T8, 01 dấu chức danh Giám đốc Lưu Thanh B1, 01 dấu chức danh Giám đốc Bùi Thị Như H, 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Văn H6, 01 Token của Công ty TNHH T10 xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trả lại cho Công ty T9.

[11] Đối với số tiền các bị cáo tự nguyện nộp trước khi xét xử (bị cáo B 300 triệu đồng, bị cáo H 300 triệu đồng, bị cáo T1 300 triệu đồng, bị cáo B1 200 triệu đồng, bị cáo H4 70 triệu đồng) cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[12] Đối với Phạm Văn T6, Ngô Thị T2, Nguyễn Ngọc V, Trần Thanh H5, Hà Vĩnh T7, Lê Thị Thu T5 là các nhân viên của Công ty T9, tài liệu điều tra xác định có tham gia vào việc chuyển tiền, soạn thảo hợp đồng, lập biên bản giao nhận hàng hóa theo sự chỉ đạo của Bùi Thị Như H nhưng không được bàn bạcvà không biết Công ty T9 xuất bán trái phép hóa đơn GTGT khống. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ kết luận đồng phạm với các bị can nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[13] Đối với Vũ Văn H1 là người đứng tên góp vốn trong Công ty T9, nhưng không tham gia hoạt động của Công ty, không được bàn bạc và không biết Công ty T9 xuất bán trái phép hóa đơn GTGT khống nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[14] Đối với 24 doanh nghiệp Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã tiến hành làm việc, tài liệu điều tra chưa có căn cứ xác định thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT khống nên chưa đủ căn cứ xử lý.

[15] Đối với 33 Công ty, doanh nghiệp có sử dụng hóa đơn GTGT khống của Công ty T9, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã triệu tập nhưng chưa đến làm việc và 02 doanh nghiệp có mua hóa đơn GTGT khống của Công ty T9 nhưng chưa đến mức xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Chi cục thuế khu vực I để xử lý theo quy định về thuế.

[16] Đối với các doanh nghiệp cung cấp hóa đơn GTGT và hàng hóa đầu vào cho Công ty T9, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, nếu có vi phạm sẽ xử lý sau.

[17] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm s khoản 1 (áp dụng thêm điểm n khoản 1 đối với bị cáo Huế), khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1, Lưu Thanh B1 phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

Xử phạt tiền bị cáo Trịnh Thế B 270.000.000 (*Hai trăm bảy mươi triệu*) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Bùi Thị Như H 270.000.000 (*Hai trăm bảy mươi triệu*) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Ngô Tiến T1 250.000.000 (*Hai trăm năm mươi triệu*) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Lưu Thanh B1 220.000.000 (*Hai trăm hai mươi triệu*) đồng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 203, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Ngô Xuân H4 phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

Xử phạt tiền bị cáo Ngô Xuân H4 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại IPHONE 13 PRO MAX thu giữ của Trịnh Thế B, 01 điện thoại GALAXY S10 5G thu giữ của Bùi Thị Như H, 01 điện thoại GALAXY S10 5G và 01 điện thoại IPHONE 12 PRO MAX thu giữ của Ngô Tiến T1, 01 điện thoại IPHONE X và 01 điện thoại IPHONE 11 PRO MAX thu giữ của Ngô Xuân H4,

Trả lại cho Công ty Cổ phần T9: 04 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell và 01 máy tính nhãn hiệu Dell đã qua sử dụng, 01 dấu tròn Công ty TNHH T10; 01 dấu tròn DNTN Mạnh Tuấn; 01 dấu tròn Công ty TNHH M; 01 dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Đức T8; 01 dấu chức danh Giám đốc Lưu Thanh B1; 01 dấu chức danh

Giám đốc Bùi Thị Như H; 01 dấu chức danh Giám đốc Phạm Văn H6; 01Token của Công ty TNHH T10.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/6/2025 giữa Công an thành phố H và Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp, cụ thể: số tiền 756.000.000 đồng bị cáo Trịnh Thế B đã nộp và số tiền 3.709.940 đồng bị cáo Ngô Xuân H4 đã nộp.

(Đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố H)

Tạm giữ: số tiền 300.000.000 *(Ba trăm triệu)* đồng của bị cáo Trịnh Thế B, số tiền 300.000.000 *(Ba trăm triệu)* đồng của bị cáo Bùi Thị Như H, số tiền 300.000.000 *(Ba trăm triệu)* đồng của bị cáo Ngô Tiến T1, số tiền 200.000.000 *(Hai trăm triệu)* đồng của bị cáo Lưu Thanh B1, số tiền 70.000.000 *(Bảy mươi triệu)* đồng của bị cáo Ngô Xuân H4 đã tự nguyện nộp trước khi xét xử để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên lai thu tiền số 0001957, 0001956, 0001955, 0001954, 0001953 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trịnh Thế B, Bùi Thị Như H, Ngô Tiến T1, Lưu Thanh B1, Ngô Xuân H4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mìnhtrong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Hải** **Nguyễn Thị Luyến** **Bùi Duy Khoa**

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Duy Khoa**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Hải** **Nguyễn Thị Luyến** **Bùi Duy Khoa**